



TRƯỜNG THCS QUÀI NƯA

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CỦA TRƯỜNG THCS QUÀI NƯA
(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

(Thời điểm báo cáo tháng 12 năm 2025)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: **Trường THCS Quài Nưa**

2. Địa chỉ trụ sở chính: Bản Minh Thắng, xã Tuần giáo, tỉnh Điện Biên;

Điện thoại: 0977 167 367;

Địa chỉ thư điện tử: thesquainua.tg@dienbien.edu.vn;

Cổng thông tin điện tử: <http://thesquainua.tuangiao.edu.vn>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục: Công lập.

Cơ quan quản lý trực tiếp: UBND xã Tuần Giáo

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

a) Sứ mạng: Thực hiện quyền tự chủ của nhà trường trong việc thực hiện kế hoạch giáo dục trên khung chương trình giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục toàn diện là mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của địa phương, đất nước và thời kỳ hội nhập.

b) Tầm nhìn: Mô hình nhà trường đến năm 2030 là trường có chất lượng giáo dục toàn diện, có cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học đầy đủ. Trường có chất lượng cao, là trung tâm văn hóa giáo dục của địa phương, là địa chỉ tin cậy để phụ huynh gửi gắm con em, nơi học sinh được phát triển toàn diện về kiến thức, kỹ năng, thể chất, tinh thần...

Đổi mới phương thức đánh giá học sinh theo thông tư số 22/2021/BGDĐT ngày 20/7/2021 Thông tư quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông; tích cực đổi mới nội dung, phương thức giáo dục hướng nghiệp gắn với thực tiễn sản xuất, kinh doanh tại địa phương và thị trường lao động trong nước.

c) Mục tiêu giáo dục: Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, là mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại. Tăng cường kỷ cương, nề nếp, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Tập trung nâng cao chất lượng mũi nhọn, các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, ứng dụng trí tuệ nhân tạo chuyển đổi số.

Chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh, đẩy mạnh thi đua "Dạy tốt, học tốt"; Tinh thần trách nhiệm - Tinh thần đoàn kết; Tinh thần hợp tác - Tinh thần cầu tiến; Tính trung thực - Tính sáng tạo;

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường THCS Quài Nưa tiền thân là Trường phổ thông cơ sở Quài Nưa, thành lập năm 1967 thuộc xã Quài Nưa, huyện Tuần Giáo, tỉnh Lai Châu. Năm 2001 được chia tách thành trường THCS Quài Nưa theo quyết định số 133b/QĐ-UB ngày 15/08/2001 của Ủy ban nhân dân huyện Tuần Giáo.

Trải qua 59 năm xây dựng và trưởng thành, nhà trường đã có một bề dày truyền thống và là niềm tự hào của của nhân dân địa phương.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

Ông: Trần Anh Dũng.

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Bản Minh Thắng, xã Tuần giáo, tỉnh Điện Biên;

Số điện thoại: 0977 167 367

Địa chỉ thư điện tử: trananhdung.thesquainua.tg@dienbien.edu.vn;

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập: Số 133^b/QĐ-UB ngày 15 tháng 8 năm 2001 của UBND huyện Tuần Giáo về việc tách và thành lập các trường trực thuộc.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường: Quyết định số 1841/QĐ-UBND ngày 23/12/2024 của UBND huyện Tuần Giáo về việc kiện toàn Hội đồng trường các trường Tiểu học, TH&THCS, THCS nhiệm kỳ 2020-2025.

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm Hiệu trưởng: Quyết định số 3399/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 của UBND huyện Tuần Giáo về việc điều động và bổ nhiệm Hiệu trưởng.

- Quyết định số 155/QĐ-UBND, ngày 14/08/2025 của UBND xã Tuần Giáo về việc bổ nhiệm lại chức vụ Phó Hiệu trưởng – Vũ Thị Thu Phương.

- Quyết định số 32/QĐ-UBND, ngày 11/07/2025 của UBND xã Tuần Giáo về việc bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ quản lý Phó Hiệu trưởng – Vũ Thị Hương.

d) Trường có Quy chế tổ chức và hoạt động; sơ đồ tổ chức bộ máy;

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

- Kế hoạch số 30a/KH-THCS ngày 05/4/2021 của trường THCS Quài Nưa, Kế hoạch chiến lược phát triển trường THCS giai đoạn 2021-2025 tầm nhìn 2030.

- Kế hoạch số 06/KH-THCS ngày 05/09/2025 của trường THCS Quài Nưa, Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2025-2026;

- Quy chế dân chủ cơ sở;

- Nghị quyết Hội đồng giáo dục;

- Nghị quyết Hội đồng trường;

- Quy chế chi tiêu nội bộ.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo

Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên: 33, chia thành 02 tổ chuyên môn (tổ Khoa học tự nhiên, tổ Khoa học xã hội) và 01 tổ Văn phòng. Trong đó:

- Cán bộ quản lý: 03, Giáo viên: 23, cụ thể:
 - + Giáo viên THCS hạng II: 21,
 - + Giáo viên THCS hạng III: 05.
 - + Nhân viên: 07. Trong đó: Viên chức: 05; Hợp đồng lao động: 02.
- Trình độ đào tạo: Đại học: 27; Trung cấp: 04.

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định

- Đạt chuẩn trình độ đào tạo: $26/26 = 100\%$ cán bộ quản lý, giáo viên.
- Đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định từ Khá trở lên: $25/25 = 100\%$ giáo viên, cán bộ quản lý. Trong đó:
 - + Chuẩn nghề nghiệp giáo viên: Tốt: 19; Khá: 04.
 - + Chuẩn Hiệu trưởng: Tốt: 03.

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định

$31/31 = 100\%$ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên (viên chức) hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

- Diện tích khu đất xây dựng trường: 6107,3 m²
- Diện tích bình quân cho một học sinh: 12,9 m²

Đảm bảo yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT.

2. Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

- Khối hành chính - quản trị của nhà trường đảm bảo theo quy định, có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động của nhà trường. Có: 01 phòng Hiệu trưởng, 02 phòng Phó Hiệu trưởng, 01 Văn phòng, 01 phòng bảo vệ, 01 nhà vệ sinh giáo viên. Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường.

- Nhà trường có 01 khu để xe của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên: 01 khu để

xe của học sinh, được bố trí trong khuôn viên nhà trường, đảm bảo an toàn, trật tự.

- Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập đáp ứng các yêu cầu hoạt động của nhà trường theo quy định:

+ Phòng học: 12 phòng có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc của học sinh THCS; có đầy đủ bàn ghế của giáo viên, bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát để đảm bảo học 2buổi/ngày.

+ Có 05 phòng học bộ môn đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định.

+ Có 01 phòng hoạt động Đoàn - Đội, 01 phòng Truyền thống; 01 Thư viện; 01 phòng Thiết bị; 01 phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục HS khuyết tật học hòa nhập.

- Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để tập luyện thể dục, thể thao và đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường

- Công trình vệ sinh, hệ thống thoát nước được bố trí hợp lý, vệ sinh sạch sẽ, đảm bảo an toàn.

3. Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Có đủ thiết bị dạy học theo quy định (01 bộ đồ dùng thiết bị dạy học tối thiểu/01 lớp). Nhà trường có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường theo quy định.

4. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Sách giáo khoa sử dụng trong nhà trường: Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống của Nhà xuất bản Giáo dục. Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Danh mục, xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu được lựa chọn, sử dụng tại nhà trường đảm bảo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá

- Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục: Căn cứ Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT, ngày 22 tháng 08 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học; Văn bản số: 5932/BGDĐT-QLCL, ngày 28/12/2018 về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông và theo Điều 5, Điều 6 Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT về chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục và thời hạn công nhận đạt chuẩn Quốc gia đối với trường trung học và các mức đánh giá trường trung học. Kết quả cụ thể về các chỉ số, các tiêu chí như sau:

+ Số lượng và tỷ lệ % các tiêu chí đạt mức 1: $28/28 = 100\%$

+ Số lượng và tỷ lệ % các tiêu chí đạt mức 2: $28/28 = 100\%$

+ Số lượng và tỷ lệ % các tiêu chí đạt mức 3: $20/20 = 100\%$

+ Số lượng và tỷ lệ % các tiêu chí đạt mức 4: $3/6 = 50\%$

Trường THCS Quài Nưa tự đánh giá đạt tiêu chuẩn Kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 và đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2.

- Thực hiện cập nhật phần mềm kiểm định theo hướng dẫn.

- Xây dựng và thực hiện nghiêm túc kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá hằng năm.

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

- Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian:

+ Năm 2013: Được công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia¹.

+ Năm 2016: Đánh giá ngoài đạt kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 3².

+ Năm 2018: Đạt được công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia³.

+ Năm 2023: Đánh giá ngoài đạt tiêu chuẩn Kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3⁴ và đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2⁵.

- Kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm:

+ Đã xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài năm 2023. Nghiêm túc thực hiện các nội dung của kế hoạch cải tiến chất lượng, khắc phục được một số tồn tại đã được chỉ ra trong kiểm định chất lượng (đánh giá ngoài).

+ Bổ sung minh chứng hằng năm theo quy định.

+ Tăng cường các biện pháp quản lý, chỉ đạo để nâng cao hiệu quả công tác, lưu trữ đầy đủ hồ sơ, văn bản theo quy định.

+ Tiếp tục nâng cao chất lượng mọi mặt hoạt động, tích cực nâng cao năng lực quản lý điều hành của CBQL, nêu cao tinh thần trách nhiệm của mỗi cá nhân, nâng cao chất lượng giáo dục từng bước hoàn thành các chỉ số nâng cấp độ kiểm định chất lượng giáo dục.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học

a) Kế hoạch tuyển sinh (có kế hoạch kèm theo).

¹ Quyết định số 409/2013/QĐ-UBND ngày 17/06/2013 của UBND tỉnh Điện Biên

² Quyết định số 403/2016/QĐ-SGDĐT ngày 23/05/2016 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên

³ Quyết định số 482/2018/QĐ-UBND ngày 11/06/2018 của UBND tỉnh Điện Biên

⁴ Quyết định số 21/2023/QĐ-SGDĐT ngày 11/01/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên

⁵ Quyết định số 74/2023/QĐ-UBND ngày 16/01/2023 của UBND tỉnh Điện Biên

b) Kế hoạch giáo dục nhà trường (có kế hoạch kèm theo).

c) Quy chế phối hợp giữa nhà trường và phụ huynh học sinh (có quy chế kèm theo).

d) Phân phối chương trình, kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh (kèm theo kế hoạch giáo dục nhà trường và kế hoạch của các bộ phận cá nhân có liên quan).

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của HK I năm học 2025 - 2026

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ; học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường

- Thực hiện chỉ tiêu lớp, học sinh, tỉ lệ huy động theo kế hoạch giao tại Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 16/7/2025 của UBND xã Tuần Giáo:

Khối lớp	Kế hoạch giao		Thực hiện năm học 2024 - 2025						HSKT
	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Tỉ lệ	HS nữ	HSDT	HS/lớp	
6	3	124	3	124	100%	52	114	41.3	5
7	3	126	3	125	99.2%	62	118	41.7	2
8	3	121	3	117	95.9%	74	111	39.0	4
9	3	108	3	107	99.1%	43	102	35.7	3
Tổng	12	479	12	473	98.7%	204	445	39.4	14

Tuyển sinh lớp 6 đạt 124/124 theo kế hoạch giao, tỉ lệ 100%.

So với kế hoạch giao: $473/479 = 98.7\%$; Giảm 06 học sinh: Giảm 01 học sinh lớp 9 chuyển đi THCS&THPT Lương Thế Vinh; Giảm 04 học sinh lớp 8: 02 học sinh chuyển đi THCS Tuần Giáo, 01 học sinh chuyển đi THCS&THPT Quài Tở; 01 học sinh chuyển đi Lai Châu (THCS Bình Lư); Giảm 01 học sinh lớp 7 chuyển đi THCS Búng Lao.

- Đến cuối học kì I nhà trường duy trì sĩ số $473/473 = 100\%$ so với đầu năm.

- Số học sinh học trên 2 buổi/ngày: $473/473 = 100\%$.

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp.

Kết quả đánh giá học sinh học kì I năm học 2025-2026 theo Thông tư số 22/2022/TT-BGDĐT:

- Kết quả học tập:

Khối lớp	Số HS	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
6	124	13	10.5	48	38.7	61	49.2	2	1.6
7	125	11	8.8	38	30.4	72	57.6	4	3.2
8	117	10	8.6	43	36.8	54	46.2	10	8.6
9	107	15	14.0	22	20.6	58	54.2	12	11.2
TS	473	49	10.4	151	31.9	245	51.8	28	5.9

- Kết quả rèn luyện:

Khối lớp	Số HS	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
		SL	%	SL	SL	SL	%	SL	%
6	124	115	92.7	9	7.3	0	0	0	0
7	125	111	88.8	10	8.0	4	3.2	0	0
8	117	97	82.9	13	11.1	7	6.0	0	0
9	107	92	86.0	12	11.2	3	2.8	0	0
TS	473	415	87.7	44	9.3	14	3.0	0	0

+ Học sinh xếp loại Đạt trở lên: 445 /473 = 94.1%.

+ Học sinh xếp loại Chưa đạt 28/473 = 5,9%, cần tăng cường ôn tập, phụ đạo trong HKII.

c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp: số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Năm học 2024-2025 tốt nghiệp THCS: 116/116 = 100%.

- Năm học 2025-2026 học sinh tốt nghiệp THCS học THPT và giáo dục thường xuyên đạt 79,7%.

3. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng học sinh đang học (chia theo số lượng học sinh là người Việt Nam, số lượng học sinh là người nước ngoài): Không.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH⁷

1. Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác);

1.1. Nguồn thu kinh phí ngân sách năm 2025

Dvt: đồng

STT	Tên nguồn thu	Kết quả thực hiện năm 2024	Kết quả thực hiện năm 2025	Tỷ lệ năm 2025 so với năm trước
1	Nguồn NSNN cấp	9.841.899.582	4.519.985.840	45,93%
1.1	Kinh phí thường xuyên, tự chủ	7.642.323.000	3.698.000.000	48,39%
1.2	Kinh phí không thường xuyên	2.199.576.582	821.985.840	37,37%

1.2. Các khoản thu từ người học năm học 2025-2026

Dvt: đồng

STT	Khoản thu	Khối 6(DVT đồng)	Khối 7(DVT đồng)	Khối 8(DVT đồng)	Khối 9(DVT đồng)	Tổng
1.	Thu hộ bảo hiểm thân thể học sinh năm học 2025-2026	6.400.000	5.100.000	4.800.000	4.600.000	20.900.000

2. Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...); chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác.

2.1 Chi ngân sách năm 2025

Dvt: đồng

STT	Nội dung chi	Số tiền 6 tháng đầu năm 2025	Số tiền 6 tháng cuối năm 2025	Tổng số tiền cả năm 2025	Tỉ lệ chi
1	Chi cho con người (Chi lương và các khoản đóng góp theo lương, chi CTP)	3.889.048.100	3.625.270.350	7.514.318.450	100%

2	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, sửa chữa, thuê mướn, dịch vụ ...)	57.674.611	77.435.490	135.110.101	100%
3	Chi hỗ trợ người học	0		0	0
3.1	Chi học bổng bán trú	372.528.000	374.400.000	746.928.000	100%
3.2	Chi hỗ trợ chi phí học tập	354.900.000	41.400.000	396.300.000	100%
3.3	Chi học bổng học sinh khuyết tật	102.960.000	74.880.000	177.840.000	100%
3.4	Chi cấp bù học phí	23.950.000	46.600.000	70.550.000	100%
4	Chi khen thưởng	0	280.000.000	280.000.000	100%
	Tổng	4.801.060.711	4.519.985.840	9.321.046.551	

2.2 Chi các khoản thu từ người học năm học 2025-2026

Dvt: đồng

STT	Khoản thu	Tổng	Tỉ lệ chi
1.	Nộp tiền BH thân thể cho học sinh năm học 2025-2026	20.900.000	100%
	Tổng		

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

Học phí theo nghị quyết số 04/2024/NQ- HDND ngày 18/6/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên.

Miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục đào tạo.

Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ Quy định về Chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Chế độ hỗ trợ học bổng cho học sinh khuyết tật Theo Thông tư 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013;

Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 Quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn;

Nghị định số 66/2025/NĐ-CP, ngày 12/3/2025 của Chính phủ Quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang ven biển;

Đầu năm học đơn vị lập kế hoạch, thông tin đến toàn bộ học sinh, phụ huynh học sinh về các chế độ, chính sách có liên quan đến học sinh tại đơn vị như: cấp bù, miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập, chế độ học bổng học sinh bán trú, học bổng học sinh khuyết tật để thực hiện, qua nhiều năm thực hiện đã mang lại kết quả cao, hỗ trợ tốt cho việc học tập của học sinh:

Đvt: đồng

STT	Nội dung	Năm 2024		Năm 2025		Tỷ lệ năm 2025 so với năm trước
		Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	
1	Đối tượng hưởng Chi phí học tập		642.300.000		396.300.000	-62,07%
1.1	Đối tượng hưởng Chi phí học tập 5 tháng đầu năm	470	352.500.000	483	354.900.000	
1.2	Đối tượng hưởng Chi phí học tập 4 tháng cuối năm	483	289.800.000	69	41.400.000	
2	Đối tượng cấp bù học phí		42.820.000		70.550.000	39,31%
2.1	Đối tượng cấp bù học tập 5 tháng đầu năm	470	23.500.000	483	23.950.000	
2.2	Đối tượng cấp bù học tập 4 tháng cuối năm	483	19.320.000	472	46.600.000	
3	Đối tượng học bổng học sinh bán trú		723.456.000		746.928.000	3,14%
3.1	Đối tượng được hưởng 5 tháng đầu năm	98	352.800.000	100	372.528.000	
3.2	Đối tượng được hưởng 4 tháng cuối năm	99	370.656.000	100	374.400.000	
4	Đối tượng học bổng học sinh khuyết tật		235.008.000		177.840.000	-32,15%
4.1	Đối tượng được hưởng 5 tháng đầu năm	16	115.200.000	11	102.960.000	

4.2	Đối tượng được hưởng 4 tháng cuối năm	16	119.808.000	10	74.880.000
Tổng			685.120.000		933.700.000

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có). Không

5. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở. Công khai hàng tháng trong các cuộc họp Hội đồng sư phạm nhà trường.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC⁸

1. Thực hiện chương trình giáo dục giáo dục phổ thông

a) Giáo dục trung học

- Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường đảm bảo sử dụng hiệu quả đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học. Triển khai hiệu Chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với cả 4 khối lớp 6,7,8,9.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện văn hóa học đường với việc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục; tích hợp nội dung giáo dục quyền con người; tích hợp hiệu quả các nội dung giáo dục về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; các nội dung giáo dục pháp luật...

- Thực hiện công văn số 4567/BGDĐT-GDPT ngày 05/8/2025 của Bộ GD&ĐT Về việc hướng dẫn tổ chức dạy học 02 buổi/ngày đối với giáo dục phổ thông năm học 2025-2026.

- Thực hiện hiệu quả nhiệm vụ giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật: Tiếp tục thực hiện giáo dục STEM trong nhà trường theo hướng dẫn của Bộ, Sở, bảo đảm chất lượng, hiệu quả.

- Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức dạy học: Tổ chức bồi dưỡng, phụ đạo học sinh ở tất cả các khối lớp, ôn học sinh giỏi các môn văn hóa lớp 9, bồi dưỡng học sinh giao lưu các môn Toán, Văn, Tiếng Anh, bồi dưỡng học sinh thi IOE, Vioedu.

- Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá.

- Tổ chức các kì thi, cuộc thi, hội thi: Kết quả tổ chức tham gia các cuộc thi, kì thi do các cấp tổ chức:

+ Kỳ thi HSG giỏi các môn văn hóa lớp 9:

Tổ chức kì thi học sinh giỏi cấp trường có 35 học sinh tham gia dự thi: Môn Ngữ văn 10 học sinh, đạt 08 giải (02 giải ba; 06 giải KK); môn KHTN 05 học sinh, đạt 02 giải KK; môn LS&DI, 10 học sinh, đạt 01 giải KK, môn Tiếng Anh 03 học sinh, đạt 01 giải KK; môn Toán 07 học sinh.

Thành lập đội tuyển HSG các môn văn hóa lớp 9 tiếp tục tổ chức bồi dưỡng tham gia thi cấp xã tổng số 23 học sinh: Môn Ngữ văn 10 học sinh; môn LS&DI, 05 học sinh; môn KHTN 04 học sinh; môn Tiếng Anh 02 học sinh; môn Toán 02 học sinh. Có 05 học

sinh đạt thành tích cao được tuyển chọn tiếp tục ôn luyện để tham gia kì thi cấp tỉnh (gồm 02 học sinh môn Tiếng Anh; 02 học sinh môn Ngữ văn, 01 học sinh môn KHTN).

Tham gia kì thi học sinh giỏi cấp tỉnh có 05 học sinh: 5/5 = 100% đạt giải. Cụ thể: 02 giải ba môn Tiếng Anh; 02 giải ba môn Ngữ văn; 01 giải khuyến khích môn KHTN.

+ Tổ chức hướng dẫn học sinh tham gia vòng sơ loại sân chơi “Đấu trường VioEdu” thời gian từ 15/9/2025 đến hết 07/12/2025. Có 66 học sinh đủ điều kiện tham gia cấp trường.

+ Tổ chức hướng dẫn học sinh tham gia thi IOE (Tiếng Anh trên mạng Internet) cấp trường, cấp xã: có 16 học sinh tham gia thi cấp trường, 11 học sinh tham gia thi cấp xã.

+ Tham gia tuyển chọn sản phẩm cuộc thi Nghiên cứu khoa học kĩ thuật và Sáng tạo AI cấp xã.

+ Tiếp tục khuyến khích học sinh tham gia Cuộc thi Sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng năm 2026.

+ Tham gia nhiều cuộc thi trực tuyến khác do các cấp tổ chức.

- Danh hiệu thi đua học kì I: Học sinh Xuất sắc: 02. Học sinh Giỏi: 47.

b) Giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh sau trung học cơ sở:

Thực hiện Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về Đề án giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông tới cán bộ, giáo viên, học sinh và phụ huynh.

Thực hiện tốt công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh; Tăng cường tuyên truyền tới học sinh, phụ huynh hiểu biết về các ngành nghề trong xã hội. Tư vấn hướng nghiệp phát triển nghề nghiệp tại địa phương phù hợp với khả năng, sở thích, sở trường của từng học sinh và nhu cầu thị trường lao động.

c) Công tác giáo dục dân tộc, giáo dục vùng đặc biệt khó khăn

Trường có 12/12 lớp với tổng số 100 học sinh được thụ hưởng chế độ theo Nghị định 66/2025/NĐ-CP. Do điều kiện CSVC nhà trường không có khu sinh hoạt dành cho học sinh bán trú nên không tổ chức nấu ăn cho học sinh, học sinh không ở bán trú tại trường.

- Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách cho học sinh dân tộc: 473 học sinh được miễn học phí; 69 học sinh được hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 238/2025; 10 học sinh khuyết tật có điều kiện khó khăn được hưởng chế độ cho người khuyết tật theo Thông tư 42/2013

- Dạy học chương trình giáo dục địa phương đối với các khối lớp.

- Thực hiện tốt công tác duy trì và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc: mặc trang phục dân tộc, luyện tập điệu múa xòe, múa sạp, tung còn, ném pao...

d) Nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ (tiếng Anh)

- Chuẩn hóa đội ngũ giáo viên ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu triển khai chương trình ngoại ngữ 10 năm đối với giáo dục phổ thông. Nhà trường có 02 giáo viên Tiếng Anh đạt

chuẩn B2 theo tiêu chuẩn giáo viên Tiếng Anh.

- Hiện nay nhà trường đang thực hiện giảng dạy Tiếng Anh theo chương trình GDPT 2018 (hệ 10 năm) cả 4 khối lớp, với tổng số 473 học sinh.

- Phát động phong trào học Tiếng Anh, thành lập câu lạc bộ, tổ chức chuyên đề ngoại khoá Tiếng Anh với chủ đề "Mid-Autumn Festival",

e) Công tác phổ cập giáo dục - xóa mù chữ

Chi đạo thực hiện tốt kế hoạch của Ban chỉ đạo phổ cập các cấp, tổ chức hướng dẫn cụ thể từng nội dung trong phiếu điều tra, phân công giáo viên đi điều tra bổ sung, cập nhật số liệu thường xuyên. Điều tra đối khớp số liệu giữa ba cấp, hoàn thiện bộ hồ sơ phổ cập. Duy trì bền vững phổ cập giáo dục THCS mức độ 3.

f) Công tác Đảng/Đoàn/Đội/Hội...

- Chi bộ: Triển khai đầy đủ và kịp thời các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước; thực hiện nghiêm túc Điều lệ đảng. Thực hiện đánh giá đảng viên cuối năm đúng hướng dẫn; thực hiện kê khai tài sản đảm bảo. Kết quả: 19/19 = 100% đảng viên được xếp loại đảng viên đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó có 03 đảng viên đủ tư cách hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Năm 2025 Chi bộ xếp loại: Hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Liên đội, Đoàn thanh niên tổ chức Đại hội đầu năm, thành lập và kiện toàn tổ chức, duy trì nề nếp hoạt động, tham gia đầy đủ, hiệu quả vào mọi hoạt động của nhà trường.

Năm học 2024-2025: Liên đội Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, được Hội đồng Đội huyện Tuần Giáo tặng Giấy khen⁶.

Năm 2025 Chi đoàn trường đạt Chi đoàn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

- Ban đại diện cha mẹ học sinh phát huy vai trò trong các hoạt động giáo dục của nhà trường, đặc biệt công tác huy động, động viên, khen thưởng học sinh.

2. Phát triển đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục bảo đảm đủ số lượng và nâng cao về chất lượng, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo

- Chất lượng tay nghề của đội ngũ đảm bảo:

+ Giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh: 2/23 đạt tỉ lệ 8.7%.

+ GV dạy giỏi cấp huyện: 9/23 đạt tỉ lệ 39.1%. Trong đó có: 08 giáo viên dạy giỏi và 01 giáo viên là Tổng phụ trách Đội giỏi.

+ GV dạy giỏi cấp trường 19/23 đạt tỉ lệ 82.6%.

- Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, người lao động năm học 2024-2025 theo Nghị định 90/2020/NĐ-CP:

+ Viên chức quản lí do cấp trên đánh giá⁷: HITTNV: 2/2 = 100%.

+ Viên chức, người lao động⁸:

⁶ Quyết định số 06/QĐ-HDD ngày 23/5/2025 của Hội đồng Đội huyện Tuần Giáo

⁷ Thông báo số 919/TB-UBND ngày 29/5/2025 của UBND huyện Tuần Giáo.

Viên chức: HTXS NV: 5/28 = 17.9%; HTTNV: 23/28 = 82.1%.

Lao động theo hợp đồng III: HTTNV: 02/02 = 100%.

3. Công tác bố trí, phân bổ ngân sách nhà nước và huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho giáo dục

- Việc quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí được giao đúng quy định tại các văn bản hướng dẫn của các cấp và các quy định của Pháp luật.

- Chuẩn bị cơ sở vật chất, sách giáo khoa, tài liệu giáo dục địa phương, thiết bị dạy học phục vụ đổi mới Chương trình GDPT 2018 đảm bảo.

- Công tác quản lý, khai thác, sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục, quản lý tài sản công: Chỉ đạo công tác quản lý, kiểm kê, sử dụng, thanh lý, sửa chữa tài sản, thiết bị giáo dục thường xuyên và đúng quy định. Xây dựng kế hoạch lao động, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh nhằm đảm bảo sự an toàn, chăm sóc hệ thống cây xanh bóng mát, tu sửa cảnh quan môi trường trong nhà trường.

- Thực hiện các khoản thu đầu năm học 2025-2026 đúng, đảm bảo theo hướng dẫn tại Công văn số 2642/SGDDT-KHHC ngày 03/9/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Điện Biên và công văn số 500/UBND-VHXH ngày 08/09/2025 của UBND xã Tuần Giáo, được sự nhất trí của chính quyền, sự đồng thuận, ủng hộ của giáo viên, phụ huynh và nhân dân địa phương.

- Việc thực hiện chế độ chính sách hiện hành đối với học sinh: Tuyên truyền đầy đủ tới học sinh, phụ huynh, nhân dân và địa phương các chế độ, chính sách hiện hành mà học sinh được thụ hưởng. Tổ chức kiểm tra hồ sơ, xét duyệt, đề nghị phê duyệt đúng hướng dẫn của các cấp. Chi trả chế độ đúng người, đúng đối tượng, không bỏ sót trường hợp. Năm học 2025-2026 trường đề nghị và thực hiện chi trả:

+ Chế độ học sinh bán trú theo Nghị định 66/2025: 100 học sinh.

+ Miễn học phí: 473 học sinh.

+ Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 238/2025: 69 học sinh.

+ Chế độ cho người khuyết tật theo Thông tư 42/2013: 10 học sinh khuyết tật có điều kiện khó khăn.

- Các khoản thu-chi ngân sách, thu - chi khác tại nhà trường đảm bảo theo quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn của các cấp. Quản lý và sử dụng tài sản cố định đảm bảo quy định, không lãng phí thất thoát; thực hiện kiểm kê, thanh lý đảm bảo quy định.

4. Công tác tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, giáo dục quốc phòng an ninh

- Tiếp tục triển khai và thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XII và Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 08/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Kế hoạch số 178/KH-BGDDT ngày 16/3/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về triển khai Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị khóa XII về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức,

⁸ Thông báo số 15/TB-THCS ngày 20/5/2025 của trường THCS Quài Nưa

phong cách Hồ Chí Minh.

100% CBQL, GV, NV được học tập, quán triệt các Chỉ thị, Nghị quyết, đường lối, chính sách của Đảng, Pháp luật của Nhà nước; 100% CBQL, GV, NV có phẩm chất đạo đức tốt, chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, Pháp luật của Nhà nước. Thực hiện lồng ghép, tích hợp nội dung giáo dục quốc phòng và an ninh trong tất cả các hoạt động giáo dục của nhà trường.

5. Công tác giáo dục thể chất, hoạt động thể thao, y tế trường học; bảo đảm an toàn trường học, chủ động phòng, chống và ứng phó hiệu quả với thiên tai, dịch bệnh

- Xây dựng kế hoạch, phối hợp với các cơ quan chức năng trong công tác đảm bảo an ninh, an toàn trường học, phòng chống bạo lực học đường.

- Chủ động, linh hoạt trong việc xây dựng kế hoạch giáo dục nhằm thích ứng với tình hình thiên tai, dịch bệnh.

- Xây dựng hoạt động Y tế trong nhà trường, phối hợp với y tế xã kiểm tra sức khỏe học sinh đầu năm; Thực hiện truyền thông phòng chống dịch bệnh theo mùa. Tuyên truyền, lồng ghép thông tin dịch bệnh và các biện pháp phòng chống thường xuyên.

Tổ chức thường xuyên các hoạt động tuyên truyền phòng, chống dịch bệnh, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống thuốc lá, phòng chống bắt cóc trực tuyến, phòng chống ma túy, xâm hại trẻ em, sức khỏe sinh sản vị thành niên ...

- Công tác giáo dục thể chất, tổ chức các hoạt động phong trào: Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động thể thao học sinh gắn kết với nội dung môn học giáo dục thể chất thuộc Chương trình GDPT 2018. Tổ chức tốt hoạt động đầu giờ, giữa giờ: múa hát tập thể, tập thể dục, tập võ, múa xòe, múa sạp, tung còn, ném pao.... duy trì bản sắc dân tộc....

- Duy trì hoạt động các câu lạc bộ năng khiếu trong nhà trường: TDTT, mỹ thuật, Tiếng Anh, văn nghệ, năng lực số.... Truyền thông về phong trào bình dân học vụ số, phong trào văn hoá văn nghệ, văn hoá đọc, phong trào toàn dân luyện tập thể dục thể thao...

- Tham gia Hội thao truyền thống của ngành do xã tổ chức, gặt hái nhiều thành tích cao; tham gia hội thao do xã tổ chức, tham gia huấn luyện và thi đấu Hội thao truyền thống ngành, tham gia giải leo núi chinh phục đỉnh Pu Tò Cọ do tỉnh Điện Biên tổ chức...

- Lựa chọn học sinh luyện tập bồi dưỡng; thành lập các đoàn vận động viên tham gia Hội thao, tuyển chọn vận động viên các cấp đạt thành tích tốt.

6. Đẩy mạnh chuyển đổi số, cải cách hành chính

Triển khai thực hiện dịch vụ công trực tuyến, khai thác hồ sơ công việc và hồ sơ điện tử; Thực hiện nghiêm túc việc rà soát, thống kê, hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực giáo dục. Thường xuyên cập nhật, triển khai đầy đủ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của UBND xã cho đội ngũ viên chức, người lao động của đơn vị và thực hiện các thủ tục hành chính phù hợp với quy định của pháp luật.

Xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ CNTT, chuyển đổi số và Đề án 06. Tổ chức truyền thông, phát động phong trào Bình dân học vụ số, hướng dẫn truy cập nền

tăng Bình dân học vụ số, lồng ghép khung năng lực số trong dạy học. Tiếp tục thực hiện hồ sơ sổ sách, quản trị nhà trường trên không gian số...100% giáo viên, nhân viên được cấp hòm thư công vụ và chứng thư số công vụ. Tham gia đầy đủ, có hiệu quả các lớp bồi dưỡng năng lực số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo do các cấp tổ chức.

Tiếp tục duy trì, triển khai hình thức dạy học trực tuyến kết hợp dạy học trực tiếp trong hoạt động ôn tập bồi dưỡng học sinh; Tiếp tục sử dụng hiệu quả phòng học, phòng họp trực tuyến trong quá trình dạy - học, bồi dưỡng, tập huấn, tổ chức các hội nghị, hội thảo, ...

Nghiêm túc chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch và dạy học có tích hợp năng lực số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, tham gia các hội thi về ứng dụng trí tuệ nhân tạo...

Đẩy mạnh triển khai thanh toán không dùng tiền mặt, hình thức thanh toán học phí, các khoản thu bằng hình thức trực tuyến; kết nối phần mềm quản lý tài chính của nhà trường với nền tảng thanh toán không dùng tiền mặt.

Nhà trường được đánh giá đạt mức độ 2 chuyển đổi số trong dạy học và đạt mức độ 3 chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục⁹.

7. Tăng cường công tác truyền thông giáo dục

Website, Fanpage nhà trường cung cấp và công khai đầy đủ các thông tin, hoạt động giáo dục của nhà trường.

Xây dựng và thực hiện kế hoạch truyền thông, thực hiện đăng tải trên Website, Fanpage nhà trường theo từng chủ đề, thực hiện truyền thông ngay sau mỗi hoạt động giáo dục của nhà trường: chuyên đề chuyên môn, hoạt động ngoại khoá, các cuộc thi, Hội thi,....;

Chủ động thông tin, truyền thông về các chủ trương, chính sách mới của ngành và việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Đảng giới thiệu về những hoạt động mới, tiêu biểu của nhà trường, giới thiệu những nhân tố điển hình, các tấm gương người tốt việc tốt, Quốc hội, Chính phủ về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

Thực hiện truyền thông về một xã hội học tập, phong trào bình dân học vụ số: giáo dục tư tưởng đạo đức, giáo dục ý thức trách nhiệm, giáo dục kỹ năng số, giáo dục pháp luật, phòng chống bạo lực học đường, tư vấn tâm lý lứa tuổi, phòng chống cháy nổ, phòng chống thuốc lá, ma túy.... Các thông tin, hoạt động được đăng tải công khai trên Website, Fanpage của nhà trường.

8. Thực hiện hiệu quả các phong trào thi đua

Trong năm, việc triển khai thực hiện các phong trào thi đua tiếp tục được đổi mới, thực hiện bài bản. Công tác thi đua luôn gắn liền với chất lượng thực hiện nhiệm vụ và hiệu quả công việc.

Nhà trường phát động các phong trào thi đua chào mừng các ngày Lễ lớn theo các chủ điểm trong năm học đảm bảo thiết thực, hiệu quả, các đợt thi đua được thầy và trò nhiệt tình hưởng ứng. Qua các phong trào thi đua đã kịp thời phát hiện bồi dưỡng, tuyên

⁹ Theo Quyết định số 122/QĐ-PGDĐT ngày 19/5/2025 Quyết định về việc công nhận mức độ chuyên đổi số của các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông thuộc huyện Tuần Giáo

đương, nhân rộng những tấm gương điển hình tiên tiến.

Đẩy mạnh thực hiện “Học tập làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” gắn với phong trào thi đua “Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập” và phong trào “Thi đua xây dựng Trường học hạnh phúc” với mục tiêu hướng đến xây dựng môi trường giáo dục hiện đại, văn minh và nhân văn. Triển khai đầy đủ các văn bản về công tác thi đua khen thưởng tới toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.

Kết quả thi đua học kì I năm học 2025-2026: Học sinh Xuất sắc: 02; Học sinh Giỏi: 47.

Nơi nhận:

- Đăng website;
- Lưu: VT.

Tuần Giáo ngày 10 tháng 01 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

Trần Anh Dũng